

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 24/01/2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP - BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàn Kiếm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Sơn
2. Bà Nguyễn Thị Tây Nguyên

Thư ký phiên tòa: Ông Hán Tấn Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Dung, Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 113/2021/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2021 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXX-HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2021/QĐ-HPT, ngày 21 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Nhất H, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu phố Song Thanh 3, thị trấn PRC, huyện TP, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm X, sinh năm 1981; Địa chỉ: 251/10 Thống Nhất, Khu phố GH 01, thị trấn PRC, huyện TP, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 09 tháng 3 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Nhất H trình bày: Bà và ông Phạm X xác lập quan hệ vợ chồng năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 01 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn PRC, huyện TP, tỉnh Bình Thuận.

Đầu năm 2018, giữa bà và ông Phạm X phát sinh mâu thuẫn, xung đột trầm trọng. Ông Phạm X sống không có trách nhiệm với vợ con, gia đình. Tình cảm vợ chồng không còn, không ai còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Bà và ông Phạm X sống ly thân nhau gần 03 năm nay, bà vào thành phố Hồ Chí Minh để làm công nhân. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm X.

Về con chung: Bà và ông Phạm X có 02 con chung: Phạm Thị Thủy T, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2010 và Phạm Thiên V, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2012. Hiện nay các con đang ở với bà. Bà yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến khi đủ 18 tuổi, bà không yêu cầu ông Phạm X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Bị đơn ông Phạm X không chịu nhận giấy triệu tập của Tòa án và không đến Tòa án làm việc nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về hôn nhân, bà Phan Thị Nhất H được ly hôn ông Phạm X; về con chung: giao các cháu Phạm Thị Thủy T và Phạm Thiên V cho bà Phan Thị Nhất H nuôi dưỡng, bà Phan Thị Nhất H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nghĩa vụ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Phan Thị Nhất H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Phạm X; giao 02 người con chung giữa bà với ông Phạm X là các cháu Phạm Thị Thủy T và Phạm Thiên V cho bà trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, bà không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đây là vụ kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Phạm X đang cư trú tại huyện TP nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện TP theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng: Do ông Phạm X không chịu nhận giấy triệu tập để đến Tòa án làm việc nên Tòa án tiến hành lập biên bản và niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại Điều 179, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn bà Phan Thị Nhất H tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Phan Thị Nhất H và ông Phạm X theo quy định của điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết: Bà Phan Thị Nhất H và ông

Phạm X xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 04 tháng 01 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn PRC nên là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

4. Về yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Nhất H: Bà Phan Thị Nhất H yêu cầu được ly hôn ông Phạm X vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2018 do ông Phạm X sống không có trách nhiệm với vợ con, gia đình. Tình cảm vợ chồng không còn, không ai còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Bà và ông Phạm X sống ly thân nhau gần 03 năm nay, lời trình bày của bà Phan Thị Nhất H phù hợp với nội dung Tòa án xác minh tại khu phố nơi ông Phạm X sinh sống, điều đó thể hiện ông bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Nhất H đối với ông Phạm X.

Về con chung: Bà Phan Thị Nhất H và ông Phạm X có 02 con chung là Phạm Thị Thủy T, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2010 và Phạm Thiên V, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2012. Hiện nay các con đang ở với bà Phan Thị Nhất H. Bà Phan Thị Nhất H yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với tình hình thực tế của các cháu Phạm Thị Thủy T và Phạm Thiên V nên chấp nhận; bà Phan Thị Nhất H không yêu cầu ông Phạm X cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Bà Phan Thị Nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Phan Thị Nhất H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà Phan Thị Nhất H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nên không hoàn lại cho bà tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà Phan Thị Nhất H đối với ông Phạm X; Bà Phan Thị Nhất H được ly hôn ông Phạm X; Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 04 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thị trấn PRC không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà Phan Thị Nhất H và ông Phạm X có 02 con chung là Phạm Thị Thủy T, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2010 và Phạm Thiên V, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2012, hiện đang ở với bà Phan Thị Nhất H.

Giao cho bà Phan Thị Nhất H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Phạm Thị Thủy T và Phạm Thiên V cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà Phan Thị Nhất H không yêu cầu ông Phạm X cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi do các bên tự thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc các nhân, tổ chức theo quy định pháp luật tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Bà Phan Thị Nhất H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà Phan Thị Nhất H đã tạm nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0003039, ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TP nên không hoàn lại cho bà Phan Thị Nhất H số tiền này

Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS ND (Tỉnh + Huyện);
- Tòa án ND Tỉnh BT;
- Các đương sự;
- THA Huyện;
- UBND thị trấn PRC;
- Lưu HS.

Hồ Hoàn Kiếm